

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPDC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2015 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.. Danh sách các cổ đông sáng lập gồm có:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Trị giá vốn góp	Tỷ lệ
1.	Nguyễn Thị Loan	1.600.000	16.000.000.000	64,00%
2.	Trần Văn Kỳ	652.000	6.520.000.000	26,08%
3.	Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	248.000	2.480.000.000	9,92%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị; Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Loan	Chủ tịch	
Ông Trần Anh Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 18/06/2021
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Lan	Ủy viên	
Bà Trịnh Ngọc Duyên	Ủy viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Minh Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/02/2021

Ban kiểm soát

Ông Trần Hùng Cường	Trưởng ban kiểm soát	
---------------------	----------------------	--

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

Tầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Minh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 03 năm 2022



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 074/2022/BCKT-PB.00204



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế được lập Ngày 12 tháng 03 năm 2022 từ trang 04 đến trang 18 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ quốc tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Việt Cường

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc

Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên


Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2505-2019-009-1

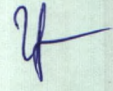
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

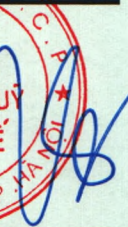
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.793.790.822	16.860.581.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.760.999.000	16.811.877.806
1. Tiền	111		12.760.999.000	811.877.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	16.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.931.507	44.843.836
1. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	28.931.507	44.843.836
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.860.315	3.860.315
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	3.860.315	3.860.315
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.036.250	11.751.250
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.036.250	11.751.250
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6	5.036.250	11.751.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		16.798.827.072	16.872.333.207

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		80.044.319	72.730.950
I. Nợ ngắn hạn	310		80.044.319	72.730.950
1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	7	1.915.319	1.200.000
2. Phải trả người lao động	314		21.982.250	43.608.950
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	49.500.000	24.750.000
4. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	9	6.646.750	3.172.000
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	10	16.718.782.753	16.799.602.257
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.718.782.753	16.799.602.257
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.281.217.247)	(8.200.397.743)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(8.200.397.743)	(8.377.148.069)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		(80.819.504)	176.750.326
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		16.798.827.072	16.872.333.207


Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng


Vũ Minh Đức
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022


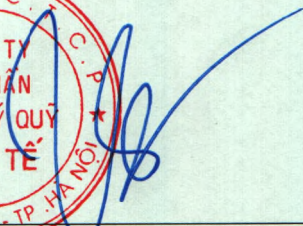
Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Mã số	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		01	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		10	-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		20	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11	21	364.653.492	683.792.952
7. Chi phí tài chính		22	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	-	-
8. Chi phí bán hàng		24	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	25	445.472.996	478.269.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))		30	(80.819.504)	205.523.635
11. Thu nhập khác		31	-	-
12. Chi phí khác		32	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		40	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		50	(80.819.504)	205.523.635
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13	51	-	28.773.309
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		60	(80.819.504)	176.750.326
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	14	70	(32,33)	70,70
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15	71	(32,33)	70,70


Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu


Nguyễn Văn Anh
Kê toán trưởng



Vũ Minh Đức
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(35.802.607)	(76.103.301)
2. Tiền chi trả cho người lao động	03	(341.840.970)	(319.519.541)
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(113.375.944)
4. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(53.801.050)	(58.133.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(431.444.627)	(567.132.377)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	380.565.821	711.277.883
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	380.565.821	711.277.883
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(50.878.806)	144.145.506
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.811.877.806	16.667.732.300
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.760.999.000	16.811.877.806

Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu

Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



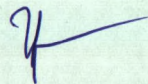
Vũ Minh Đức
Tổng Giám đốc

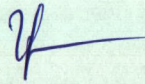
Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu BC05-CTQ
 (Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ tài chính)
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ tại		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ tại	
		01/01/2020	01/01/2021	Kỳ trước		Kỳ này		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối		(8.377.148.069)	(8.200.397.743)	176.750.326	-	(80.819.504)	-	(8.200.397.743)	(8.281.217.247)
Cộng		16.622.851.931	16.799.602.257	176.750.326	-	(80.819.504)	-	16.799.602.257	16.718.782.753


 Nguyễn Văn Anh
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Anh
 Kế toán trưởng



 Vũ Minh Đức
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 18 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015273 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động số 17/UBCK-GPHĐQLQ ngày 26 tháng 12 năm 2006; Giấy phép bổ sung số 240/QĐ-UBCK ngày 02 tháng 04 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 19/UBCK-GPĐC ngày 18 tháng 08 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 55/UBCK-GPĐC ngày 04 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 61/UBCK-GPĐC ngày 01 tháng 02 năm 2010 và Giấy điều chỉnh số 20/UBCK-GPĐC ngày 27 tháng 10 năm 2011. Theo Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 29 tháng 08 năm 2012 đổi tên thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ An Phú thành Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế. Giấy phép điều chỉnh số 04/GPDC – UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 02 năm 2016 theo đó trụ sở công ty chuyển về Tầng 7, tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 7, Tòa nhà 46-48 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi năm tỷ đồng chẵn); mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương đương 2.500.000 cổ phần.

Những người được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ:

Tên	Chứng chỉ số	Ngày cấp
Bà Nguyễn Kim Nguyên	11/QĐ-CCHNQLQ	27/02/2009
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	773/QĐ-CCHNQLQ	10/10/2011
Ông Nguyễn Tiến Dũng	754/QĐ-CCHNQLQ	10/10/2011
Bà Quản Lê Phương Quy	00721/QLQ	05/05/2011
Bà Trịnh Ngọc Duyên	001230/QLQ	31/03/2015
Ông Vũ Minh Đức	001479/QLQ	17/11/2016

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Áp dụng chính sách kế toán

Công ty đã áp dụng Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư ("Thông tư 125") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt nam (VND)

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4 Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.5 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu chưa có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.6 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾTầng 7, tòa nhà 46-48, Quận Hoàn Kiếm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	5.626.590.217	661.354.601
Tiền gửi ngân hàng	7.134.408.783	150.523.205
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	16.000.000.000
	16.760.999.000	16.811.877.806

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn Công ty gửi vào Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai căn cứ theo hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/VCB.HGM-QLQQT ngày 13/10/2021. Số tiền gửi là: 4.000.000.000 đồng, thời hạn gửi: 3 tháng, lãi suất: 3,0%/năm, tiền lãi trả một lần vào cuối kỳ

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.931.507	44.843.836
Cộng	28.931.507	44.843.836

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	5.036.250	11.751.250
Cộng	5.036.250	11.751.250

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**7.1 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2021	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.200.000	1.915.319	1.200.000	1.915.319
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.200.000	4.915.319	4.200.000	1.915.319

7.2 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2021	Số phát sinh trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Tại ngày 31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.860.315	-	-	3.860.315
Cộng	3.860.315	-	-	3.860.315

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí kiểm toán	49.500.000	24.750.000
	49.500.000	24.750.000

9. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3.166.400	3.172.000
Bảo hiểm xã hội	3.480.350	-
Cộng	6.646.750	3.172.000

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	25.000.000.000	(8.377.148.069)	16.622.851.931
Lợi nhuận trong năm	-	176.750.326	176.750.326
		-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	25.000.000.000	(8.200.397.743)	16.799.602.257
Số dư tại ngày 01/01/2021	25.000.000.000	(8.200.397.743)	16.799.602.257
Lợi nhuận trong năm	-	(80.819.504)	(80.819.504)
		-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	25.000.000.000	(8.281.217.247)	16.718.782.753

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Nguyễn Thị Loan	16.000.000.000	64,00%	16.000.000.000	64,00%
Ông Trần Văn Kỳ	6.520.000.000	26,08%	6.520.000.000	26,08%
Công ty CP Chứng khoán Hòa Bình	2.480.000.000	9,92%	2.480.000.000	9,92%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/cổ phiếu)		

11. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	364.653.492	683.792.952
	364.653.492	683.792.952

12. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí lương nhân viên quản lý	375.205.389	409.059.766
Chi phí kiểm toán	49.500.000	49.500.000
Thuế, phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí quản lý khác	17.767.607	16.709.551
	445.472.996	478.269.317

13. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(80.819.504)	205.523.635
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)	-	-
Thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp	(80.819.504)	205.523.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	-	41.104.727
Thuế TNDN được giảm 30% theo nghị định 114/2020-NĐ/CP	-	(12.331.418)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	28.773.309

14. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(80.819.504)	176.750.326
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(32,33)	70,70

15. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(80.819.504)	176.750.326
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.500.000	2.500.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(32,33)	70,70

16. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu/ các cổ đông/ Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021			-
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.760.999.000	-	16.760.999.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.931.507	-	28.931.507
Cộng	16.789.930.507	-	16.789.930.507
Tại ngày 31/12/2021			
Chi phí phải trả	49.500.000	-	49.500.000
Cộng	49.500.000	-	49.500.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.740.430.507	-	16.740.430.507
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.811.877.806	-	16.811.877.806
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.843.836	-	44.843.836
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Cộng	16.856.721.642	-	16.856.721.642
Tại ngày 01/01/2021			
Chi phí phải trả	24.750.000	-	24.750.000
Cộng	24.750.000	-	24.750.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	16.831.971.642	-	16.831.971.642

17. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tiền lương, tiền thưởng của Ban điều hành - Vũ Minh Đức - Tổng Giám đốc	142.000.000	126.000.000

18. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

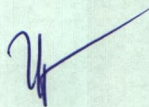
Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc.



Nguyễn Văn Anh
Người lập biểu



Nguyễn Văn Anh
Kế toán trưởng



Vũ Minh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Ngày 12 tháng 03 năm 2022

